TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2024/DS-ST
Ngày: 28 - 9 - 2024
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG – TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Viết Trung và ông Phạm Văn Quang.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Hiếu – Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2023/TLST-DS ngày 16/10/2023 về việc "tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 13/2024/QĐST-DS ngày ngày 20 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông Hà Trung T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương *(Có mặt)*.

- ***Bị đơn***: Ông Hà Đức O, sinh năm 1953; HKTT: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương *(Vắng mặt)*.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Hà Thị T1, sinh năm 1956; HKTT: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương *(Có mặt - vắng mặt khi tuyên án)*.

+ Ông Hà Đức L, sinh năm 1958; HKTT: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai *(Vắng mặt)*.

+ Bà Hà Thị T2, sinh năm 1961; HKTT: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Thị T2: Bà Hà Thị T1, sinh năm 1956; HKTT: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương *(Có mặt - vắng mặt khi tuyên án)*.

+ Ông Hà Trung Q, sinh năm 1963; HKTT: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương *(Vắng mặt)*.

+ Bà Đinh Thị S, sinh năm 1970; HKTT: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương *(Có mặt)*.

+ Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Đ – Chủ tịch UBND xã V (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hà Trung T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Bố mẹ đẻ ông là cụ Hà Đình C và cụ Vũ Thị T3 có 06 người con lần lượt là ông Hà Đức O, bà Hà Thị T1, ông Hà Đức L, bà Hà Thị T2, ông Hà Trung Q và ông là Hà Trung T. Bố mẹ ông không nhận ai là con nuôi và không có con riêng nào khác. Ông bà nội ngoại của ông đều đã chết trước bố mẹ ông từ lâu.

Bố mẹ ông khi còn sống có khối tài sản bao gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 110 tờ bản đồ số 03 diện tích 242m^2 đất ở - thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương đã được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V318849 cấp ngày 27/12/1996 mang tên cụ Hà Đình C và toàn bộ cây cối, nhà ở, công trình xây dựng trên đất. Ngoài khối tài sản trên, bố mẹ ông không còn tài sản nào khác.

Ngày 19/11/1997, cụ Vũ Thị T3 chết không để lại di chúc. Bố đẻ ông là cụ Hà Đình C tiếp tục sinh sống trên đất và chết vào ngày 06/7/2014. Sau khi cụ C chết, khi kiểm tra chiếc hòm sắt do cụ C để lại ở trong buồng ông T phát hiện 05 bản Di chúc gồm 01 bản di chúc viết tay và 04 bản di chúc đánh máy đều đề ngày 30/7/2003 và đều có nội dung cụ Hà Đình C lập di chúc trong tình trạng sức khỏe tốt, hoàn toàn minh mẫn, không bị bắt buộc, cụ C để lại cho ông T và bà Đinh Thị S (là vợ ông T) được hưởng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương cùng toàn bộ các công trình xây dựng trên đất, cây lâu năm và toàn bộ các vật chất có trên đất. Sau

khi phát hiện các bản di chúc nêu trên, ông T quản lý và mang các bản di chúc viết tay và đánh máy đi ép Plastic để gìn giữa lâu dài.

Đến khoảng tháng 3/2022, chị ông là bà Hà Thị T2 trong miền N gặp khó khăn, muốn về quê hương sinh sống nên cả 6 anh chị em ông thống nhất tách 1 nửa diện tích đất để cho bà Hà Thị Tuyết . Tại UBND xã V ông T có đưa bản di chúc (đã ép plastic) ra để mọi người xem xét nhưng không ai có ý kiến phản đối. Khi được UBND xã V hướng dẫn thủ tục kê khai nhận thừa kế thì hai bên nảy sinh mâu thuẫn nên thủ tục kê khai nhận thừa kế và tách đất cho bà Hà Thị T2 không được thực hiện.

Đến nay, ông Hà Trung T khởi kiện, xác định bố mẹ ông có để lại khối tài sản nêu trên và đề nghị tòa án phân chia di sản của bố mẹ ông là cụ Hà Đình C và cụ Vũ Thị T3 theo di chúc đối với phần di sản của cụ Hà Đình C và chia theo quy định của pháp luật đối với phần di sản của cụ Vũ Thị T3. Ông đề nghị Tòa án chia cho ông hưởng bằng hiện vật và ông không đồng ý nhận bằng tiền.

Về chi phí tố tụng: Ông đề nghị Tòa án chia đều chi phí tố tụng cho những người hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hà Đức O trình bày ý kiến như sau:

Ông là con của cụ Hà Đình C và cụ Vũ Thị T3. Bố mẹ ông sinh được 06 người con lần lượt là ông, bà Hà Thị T1, ông Hà Đức L, bà Hà Thị T2, ông Hà Trung Q và ông là Hà Trung T. Tài sản của bố mẹ ông để lại bao gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 110 tờ bản đồ số 03 diện tích 242m^2 đất ở - thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương và toàn bộ cây cối, nhà ở, công trình xây dựng trên đất. Ngoài khối tài sản trên, bố mẹ ông không còn tài sản nào khác.

Ông Hà Trung T xuất trình bản di chúc đề ngày 30/7/2003 và đề nghị phân chia di sản thừa kế theo di chúc, quan điểm của ông không đồng ý và xác định đây là bản di chúc giả. Lý do là vì trước đây cụ Hà Đình C có nhờ ông viết 1 bản di chúc với nội dung cụ C để lại cho ông Hà Trung T nhà, đất tại thửa đất số 110 tờ bản đồ số 03 với điều kiện ông T làm nhà hoặc sửa chữa nhà cho cụ C ở, sau khi viết xong ông có đánh máy thành 06 bản đưa cho cụ C. Tuy nhiên, sau đó ông T không làm nhà, không sửa chữa nhà cho cụ C ở nên cụ C không ký di chúc cho ông T nữa. Khi cụ C mất, ông cùng bà Hà Thị T1 đã kiểm tra tủ và hòm của cụ C nhưng không phát hiện giấy tờ gì. Đến nay ông T xuất trình bản di chúc ông xác định là do ông T làm giả chữ ký của cụ C. Do đó, ông đề nghị không chia di sản của cụ C, cụ T3 mà giữ lại làm nơi thờ tự chung của 6 anh em và để các con cháu

xa gần về có nơi ăn ở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày quan điểm như sau:

- *Ý kiến của bà Hà Thị T1 (và là người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Thị T2):* Bà T1, bà T2 là con của cụ Hà Đình C và cụ Vũ Thị T3. Về thời điểm cụ Hà Đình C và cụ Vũ Thị T3 chết; những người được hưởng thừa kế và tài sản mà cụ C, cụ T3 để lại là nhà, đất tại thửa đất số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương như ông T trình bày là đúng. Ý kiến của bà T1 xác định nếu cụ C để lại di chúc cho ông T thì phần diện tích đất mà của cụ C di chúc cho ông T sẽ đứng tên ông T, phần diện tích còn lại là của mẹ bà, bà đề nghị giữ lại để làm nơi thờ cúng chung cho các anh chị em. Bà đề nghị chia làm hai phần, phần đất có căn nhà giao cho ông T, một đất còn lại không có nhà giao cho những người thừa kế còn lại.

- *Ý kiến của ông Hà Trung Q:* Ông Q là con của cụ Hà Đình C và cụ Vũ Thị T3. Về thời điểm cụ Hà Đình C và cụ Vũ Thị T3 chết; những người được hưởng thừa kế và tài sản mà cụ C, cụ T3 để lại là nhà, đất tại thửa đất số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương như ông T trình bày là đúng. Ý kiến của ông xác định cụ C có di chúc để lại tài sản cho ông T thì ông T hưởng phần di sản của cụ C để lại, phần còn lại chia cho 05 anh chị em còn lại để anh chị em làm nơi thờ cúng.

- *Ý kiến của ông Hà Đức L:* Ông L là con của cụ Hà Đình C và cụ Vũ Thị T3. Về thời điểm cụ Hà Đình C và cụ Vũ Thị T3 chết; những người được hưởng thừa kế và tài sản mà cụ C, cụ T3 để lại là nhà, đất tại thửa đất số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương như ông T trình bày là đúng. Ông L xác định cụ C có di chúc để lại tài sản cho ông T. Quan điểm của ông L cũng mong muốn giữ lại làm nhà thờ tuy nhiên trong trường hợp phải phân chia di sản của cụ T3 theo pháp luật thì ông L không nhận phần di sản mà ông được hưởng mà nhường lại cho vợ chồng ông T, bà S được hưởng.

- *Ý kiến của bà Đinh Thị S:* Bà S là vợ của ông Hà Trung T. Bà S đề nghị giải quyết phân chia di sản thừa kế của cụ C để lại cho bà và ông Hà Trung T theo di chúc, đối với phần di sản thừa kế của bà Vũ Thị T3 để lại bà không có ý kiến gì và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Ý kiến của ông T cũng là ý kiến của bà.

- *Ý kiến của UBND xã V:* Khi đo đạc, gia đình cụ C xác định sai vị trí điểm mốc ở phía Tây thửa đất do đó diện tích tăng thêm là 3.7m^2 và đây không phải là di sản do cụ C, cụ T3 để lại để phân chia. Hiện UBND xã vẫn đang quản lý đối với phần diện tích 3.7m^2 nêu trên và trên đất không có tài sản, công trình do gia đình cụ C, cụ T3 xây dựng nên UBND xã không có ý kiến, yêu cầu gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nguồn gốc, hiện trạng sử dụng của thửa đất, tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản; ghi lời khai những người làm chứng và tiến hành giám định đối với di chúc do ông T xuất trình.

- *Ý kiến của ông Vũ Văn T4:* Ông T4 là Phó chủ tịch UBND xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương từ năm 1995 đến năm 2009. Ông T4 xác định phần nội dung xác nhận và chữ ký xác nhận của ông trong bản di chúc của cụ Hà Đình C là đúng. Thời gian đã lâu nên đến nay ông không nhớ cụ thể việc xác nhận diễn ra như thế nào và ai là người mang bản di chúc đến cho ông xác nhận.

- *Ý kiến của ông Phạm Thế N:* Ông N giữ chức vụ trưởng thôn L từ năm 1999 đến năm 2004. Ông N xác định năm 2003 khi cụ Hà Đình C còn sống có đến gặp ông và nhờ ông xác nhận vào bản di chúc viết tay, ông N đồng ý và có xác nhận trong bản di chúc viết tay cho cụ C. Đối với chữ ký của ông trong các bản di chúc khác ông không xác định được.

- *Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/7/2024 xác định*: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V318849 cấp ngày 27/12/1996 mang tên cụ Hà Đình C thửa đất số 110 tờ bản đồ số 03 có diện tích 242m^2 đất ở. Theo kết quả đo đạc khi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/7/2024, thửa đất số 110 tờ bản đồ số 03 có diện tích 245.6m^2 tăng 3.6m^2 so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo địa phương cung cấp, nguyên nhân của việc tăng diện tích đất nêu trên được xác định là do gia đình chỉ không đúng vị trí nên khi đo đã đo vào phần đường xóm là 3.7m^2 và còn lại do sai số trong quá trình đo đạc, tính toán diện tích khi lập bản đồ. Diện tích đất hiện không tranh chấp quyền sử dụng đất với các hộ liền kề. Tài sản trên đất bao gồm: 01 căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 43.8m^2; Sân vôi diện tích 67.1m^2; Tường bao, T5 gạch vườn; 2 trụ cổng ; 2 cánh cổng lưới B40; 01 cây mít, 1 cây vải.

- *Theo kết luận định giá tài sản ngày 23/8/2024 xác định:* Giá trị quyền sử dụng đất thửa số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L là 291.4m^2 x 2.700.000đ/m^2 = 653.130.000đ; Giá trị tài sản trên đất: 01 căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 43.8m^2 trị giá 40.530.330đ; Sân vôi diện tích 67.1m^2 trị giá 536.800đ; Tường bao trị giá

376.872đ, T5 gạch vườn trị giá 252.450đ; 2 trụ cổng trị giá 85.160đ; 2 cánh cổng lưới B40 trị giá 161.000đ; 01 cây mít trị giá 650.000đ và 1 cây vải trị giá 520.000đ.

- Theo Kết luận giám định số 308/KL-KTHS ngày 07/8/2024 của V - Bộ C1 xác định: Chữ ký "Châm" dưới mục "Người lập bản di chúc" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1; Chữ ký "Châm" và các chữ "Hà Đình C" dưới mục "Người lập bản di tích" trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A2 đến A5 so với chữ ký, chữ viết của Hà Đình C trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký, viết ra.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Hà Trung T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày. Ông Hà Đức O, ông Hà Trung Q, ông Hà Đức L vắng mặt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Đối với ý kiến của ông Hà Đức L, ông T, bà S không nhận phần di sản ông L được hưởng mà đề nghị chia phần di sản ông L được hưởng cho các anh chị em còn lại.

Đại diện VKSND huyện Bình Giang phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến thời điểm ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Điều 48 BLTTDS. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa có mặt đầy đủ, đúng thành phần; trình tự bắt đầu phiên tòa, tranh tụng theo đúng quy định tại các Điều từ 239 - 244, Điều 246, 247, 249 - 252, Điều 254, 260, 263 BLTTDS về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 73 BLTTDS. Bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 624, Điều 625, Điều 627, Điều 628, Điều 630, Điều 631, Điều 635, Điều 636, Điều 643, Điều 649; Điều 650; Điều 660, Điều 688 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Trung T về việc chia tài sản thừa kế của cụ Hà Đình C theo di chúc và chia tài sản thừa kế của cụ Vũ Thị T3 theo pháp luật.

+ Phân chia di sản là một nửa quyền sử dụng đất tại thửa đất số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương và tài sản trên đất cho những người hưởng thừa kế của cụ Vũ Thị T3 là cụ Hà Đình C, ông Hà Đức O, bà Hà Thị T1, ông Hà Đức L, bà Hà Thị T2, ông Hà Trung Q và ông Hà Trung T theo pháp luật

+ Phân chia phần di sản còn lại là một nửa quyền sử dụng đất tại thửa đất số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương và tài sản trên đất của cụ Hà Đình C theo di chúc ngày 30/7/2003 của cụ Hà Đình C.

+ Giao ông T, bà S được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất phần diện tích đất có căn nhà tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 03 tại thôn L, xã V và giao cho ông O, ông Q, bà T1, bà T2 được quyền sử dụng chung, quyền sở hữu chung phần diện tích đất và tài sản trên đất còn lại tại thửa số 110, tờ bản đồ số 03 tại thôn L, xã V.

Về án phí, chi phí tố tụng: Các đương sự phải nộp tiền án phí dân sự và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông L, bà T1, ông O, ông Q, bà T2 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Hà Trung T khởi kiện yêu cầu Toà án phân chia di sản của cụ Vũ Thị T3 và cụ Hà Đình C để lại là thửa đất số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương cho những người được hưởng thừa kế là ông Hà Đức O, ông Hà Trung Q, ông Hà Đức L, bà Hà Thị T2, bà Hà Thị T1, ông Hà Trung T, bà Đinh Thị S theo di chúc đối với phần di sản của cụ Hà Đình C và chia theo pháp luật đối với phần di sản của cụ Vũ Thị T3 nên quan hệ tranh chấp được xác định là "*tranh chấp về thừa kế tài sản*". Bị đơn là ông Hà Đức O và tài sản tranh chấp hiện đang tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà, ông Hà Đức O, ông Hà Đức L và ông Hà Trung Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, bà Hà Thị T2 có ý kiến ủy quyền cho bà Hà Thị T1 và được bà T1 chấp nhận là người đại diện theo ủy quyền của bà T2 nên Toà án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Xem xét yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Hà Trung T:

Ông Hà Trung T đề nghị phân chia di sản thừa kế của cụ Hà Đình C theo di chúc và phân chia theo pháp luật di sản thừa kế của cụ Vũ Thị T3 để lại. Căn cứ theo tài liệu do nguyên đơn và các đương sự trong vụ án cung cấp xác định:

[2.1.1] *Về thời điểm mở thừa kế và hàng thừa kế:* Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận cụ Vũ Thị T3 và cụ Hà Đình C có quan hệ là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, cụ T3 và cụ C sinh được 06 người con lần lượt là ông Hà Đức O, bà Hà Thị T1, ông Hà Đức L, bà Hà Thị T2, ông Hà Trung Q và ông Hà Trung T. Tất cả những người con nêu trên đều còn sống. Ngoài ra, cụ T3, cụ C không nhận ai khác làm con nuôi hoặc có con riêng. Bố mẹ đẻ của cụ T3 và cụ C đã chết trước cụ T3, cụ C từ lâu.

+ Căn cứ theo trích lục khai tử, cụ Vũ Thị T3 chết ngày 19/11/1997 do đó xác định thời điểm mở thừa kế của cụ T3 là ngày 19/11/1997 và những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T3 tại thời điểm mở thừa kế bao gồm: Cụ Hà Đình C và 06 người con là ông Hà Đức O, bà Hà Thị T1, ông Hà Đức L, bà Hà Thị T2, ông Hà Trung Q và ông Hà Trung T.

+ Căn cứ theo trích lục khai tử, cụ Hà Đình C, chết ngày 06/7/2014 do đó xác định thời điểm mở thừa kế của cụ C là ngày 06/7/2014 và những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C tại thời điểm mở thừa kế bao gồm: Ông Hà Đức O, bà Hà Thị T1, ông Hà Đức L, bà Hà Thị T2, ông Hà Trung Q và ông Hà Trung T.

[2.1.2] *Về di sản do cụ T3, cụ C để lại:* Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận và xác định khối tài sản chung cụ Vũ Thị T3 và cụ Hà Đình C để lại bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương có diện tích 242m^2 là đất ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V318849 cấp ngày 27/12/1996 mang tên cụ Hà Đình C. Ngoài ra không còn tài sản nào khác.

[2.1.3] *Xem xét đối với thửa đất số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L:* Theo UBND xã V cung cấp, về nguồn gốc thửa đất theo Bản đồ 299 đo đạc năm 1986, thửa đất đang đề nghị chia thừa kế nằm trong thửa đất số 27 tờ bản đồ số 13 có diện tích là 425m^2 là loại đất T (thổ cư). Sau đó, thửa đất số 27 nêu trên được tách

thành hai thửa là thửa số 27 diện tích 225m^2 và thửa số 374 diện tích 200m^2 (thửa này tách cho ông Hà Trung T). Năm 1993, thửa đất số 27 tờ bản đồ số 13 được chuyển thành thửa số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương có diện tích 242m^2 và được UBND huyện B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V318849 ngày 27/12/1996 mang tên cụ Hà Đình C. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày xác định thửa đất số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương hiện nay có diện tích 245.6m^2 tăng 3.6m^2 so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo địa phương cung cấp, nguyên nhân của việc tăng diện tích đất nêu trên được xác định là do gia đình chỉ không đúng vị trí điểm mốc nên khi đo đã đo vào phần đường xóm là 3.7m^2 (phần diện tích 3.7m^2 hiện UBND xã vẫn quản lý và không có công trình gì xây dựng trên đất), còn lại do sai số trong quá trình đo đạc, tính toán diện tích khi lập bản đồ. Hiện nay, thửa đất số 110 tờ bản đồ số 03 đều được các con của cụ C, cụ T3 quản lý làm nơi thờ cúng, diện tích đất hiện không tranh chấp quyền sử dụng đất với các hộ liền kề xung quanh do đó cần xác định diện tích thửa số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương cần phân chia là 241.9 m^2.

[2.1.4] *Về tài sản xây dựng trên đất*: Căn cứ theo Biên bản xem xét, thẩm định ngày 19/7/2024 xác định cụ C, cụ T3 có tạo dựng trên đất 01 căn nhà cấp 4 diện tích 43.8m^2; sân vôi diện tích 67.1m^2; tường bao, tường gạch vườn; 2 trụ cổng ; 2 cánh cổng lưới B40; 01 cây mít, 1 cây vải.

[2.1.5] *Về giá trị tài sản:* Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện B ngày 23/8/2024 xác định:

+ Quyền sử dụng đất thửa số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L trị giá: 291.4m^2 x 2.700.000đ/m^2 = 653.130.000đ.

+ Tài sản trên đất trị giá: 01 căn nhà cấp 4 diện tích 43.8m^2 trị giá 40.530.330đ; sân vôi diện tích 67.1m^2 trị giá 536.800đ; tường bao trị giá 376.872đ, tường gạch vườn trị giá 252.450đ; 2 trụ cổng trị giá 85.160đ; 2 cánh cổng lưới B40 trị giá 161.000đ; 01 cây mít trị giá 650.000đ và 1 cây vải trị giá 520.000đ. Tổng cộng 43.112.612đ.

[2.1.6] *Xem xét các bản di chúc của cụ Hà Đình C:*

Cụ Hà Đình C chết ngày 06/7/2014 để lại di chúc do đó cần xem xét tính hợp pháp của di chúc do cụ C để lại để có căn cứ xác định phân chia di sản thừa kế của cụ C để lại theo di chúc hay theo pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hà Trung T có xuất trình 05 bản di chúc gồm 01 bản di chúc viết tay và 04 bản di chúc đánh máy đều đề ngày 30/7/2003 và đều có nội dung giống nhau. Nội dung của các bản di chúc thể hiện cụ Hà Đình C lập di chúc trong tình trạng sức khỏe tốt, hoàn toàn minh mẫn, không bị bắt buộc; cụ C để lại cho ông T và bà Đinh Thị S (là vợ ông T) được hưởng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương cùng toàn bộ các công trình xây dựng trên đất, cây lâu năm và toàn bộ các vật chất có trên đất.

Bị đơn ông Hà Đức O không đồng ý với bản di chúc và xác định ông có giúp cụ C viết, đánh máy bản di chúc với nội dung cụ C để lại toàn bộ tài sản nhà, đất cho ông T với điều kiện ông T làm nhà hoặc sửa chữa nhà cho cụ C ở tuy nhiên sau đó ông T không làm nhà, không sửa nhà nên cụ C không ký di chúc cho ông T nữa vì vậy các bản di chúc mà ông T xuất trình là giả chữ ký của cụ C. Theo yêu cầu của ông Hà Trung T, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký của cụ Hà Đình C trong các bản di chúc viết tay, bản di chúc đánh máy do ông T xuất trình và tại Kết luận giám định số 308/KL-KTHS ngày 07/8/2024 của V - Bộ C1 xác định: Chữ ký "Châm" dưới mục "Người lập bản di chúc" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1; Chữ ký "Châm" và các chữ "Hà Đình C" dưới mục "Người lập bản di tích" trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A2 đến A5 so với chữ ký, chữ viết của Hà Đình C trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký, viết ra. Ý kiến ông Phạm Thế N là trưởng thôn L từ năm 1999 đến năm 2004 cũng xác định ông có xác nhận bản di chúc viết tay do cụ C mang đến xác nhận và ông Vũ Văn T4 là Phó chủ tịch UBND xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương từ năm 1995 đến năm 2009 cũng khẳng định có xác nhận bản di chúc của cụ Hà Đình C là đúng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Hà Đức O chỉ trình bày lý do xác định bản di chúc là giả nhưng không xuất trình được căn cứ nào khác để chứng minh cho ý kiến của mình do đó xác định các bản Di chúc đề ngày 30/7/2003 của cụ Hà Đình C là có thật và thể hiện đúng ý chí của người để lại di sản.

Các bản di chúc của cụ Hà Đình C đều đề ngày 30/7/2003 và có nội dung giống nhau nên xác định là 1 bản di chúc, trong di chúc đánh máy có chữ ký của cụ Hà Đình C (theo kết luận giám định) và được UBND xã V xác nhận do đó di chúc đã đảm bảo về mặt hình thức. Xem xét về nội dung bản di chúc cụ Hà Đình

C, cụ C đã định đoạt toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông T, bà S tuy nhiên khối tài sản này được xác định là tài sản chung của cụ C và cụ T3 nên Di chúc của cụ C chưa đảm bảo về mặt nội dung. Do đó, xác định di chúc của cụ C chỉ có hiệu lực với phần tài sản của cụ C trong khối tài sản chung của cụ C và cụ T3.

Do cụ T3 chết ngày 19/11/1997 không để lại di chúc và cụ C chết ngày 06/7/2014 để lại di chúc do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Trung T và phân chia di sản thừa kế của cụ T3 để lại theo pháp luật và phân chia di sản của cụ C để theo di chúc.

[2.1.7] *Xem xét yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Vũ Thị T3 và cụ Hà Đình C:*

Do các đương sự đều xác định khối tài sản nhà, đất tại thửa số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L là tài sản chung của cụ T3, cụ C, những người thừa kế không có công sức đóng góp vào khối tài sản của cụ T3 và cụ C để lại và hiện nay cả cụ T3, cụ C đều đã chết do đó xác định phần di sản của cụ C và cụ T3 để lại là ngang nhau và đều bằng một phần hai tổng giá trị khối tài sản nhà, đất để phân chia. Cụ thể di sản của cụ T3, cụ C để lại xác định là 1/2 quyền sử dụng đất thửa số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L diện tích 145.7m^2 x 2.700.000đ/m^2 = 393.390.000đ và 1/2 tài sản trên đất trị giá 43.112.612đ : 2 = 21.556.306đ. Tổng cộng 348.121.306đ.

Giá trị của một suất thừa kế của bà T3 mà 1 người thừa kế được hưởng là 348.121.306đ : 7 người thừa kế = 49.731.615đ/người.

- *Phân chia di sản theo giá trị:* Ông Hà Trung T yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ T3 để lại theo pháp luật và phân chia di sản của cụ C để theo di chúc. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông O không đồng ý phân chia thừa kế và đề nghị giữ lại khối tài sản của bố mẹ để làm nơi thờ cúng chung cho các anh chị em; bà T1, ông Q và bà T2 đều có nguyện vọng muốn giữ lại phần đất để anh chị em làm nơi thời cúng bố mẹ và đề nghị chia chung vào một bên. Ông Hà Đức L có quan điểm nếu được chia thì ông không nhận và phần tài sản thừa kế mà ông được hưởng ông tự nguyện cho ông T, bà S. Theo di chúc do cụ C có nội dung để lại phần di sản cho vợ chồng ông T và bà S nên ông T, bà S đề nghị chia chung phần di sản ông T, bà S được hưởng vào cùng 1 suất và vợ chồng chịu nghĩa vụ chung về chi phí tố tụng cũng như án phí đối với phần được hưởng, đối với phần tài sản thừa kế ông Hà Đình L1 được hưởng và cho ông T, bà S, ông T, bà S không nhận và đề nghị chia cho ông O, bà T1, ông Q, bà T2. Do đó, cần chấp nhận ý kiến trên của ông T, bà S phân chia khối tài sản chung của cụ C, cụ T3 về giá trị như sau:

+ Ông Hà Trung T và bà Đinh Thị S được hưởng toàn bộ phần di sản của cụ Hà Đình C để lại theo di chúc trị giá 348.121.306đ và hưởng 2 suất thừa kế phần di sản do cụ T3 để lại (gồm suất của ông T và suất của cụ C theo di chúc cho ông T) trị giá 49.731.615đ x 2 = 99.463.230đ. Tổng cộng 447.584.536đ.

+ Ông Hà Đức O, bà Hà Thị T1, ông Hà Trung Q, bà Hà Thị T2, mỗi người được hưởng suất thừa kế phần di sản do cụ T3 để lại (bao gồm 01 suất của ông Hà Đức L) trị giá 62.164.518đ/người.

- *Phân chia di sản theo hiện vật thực tế:* Quá trình giải quyết vụ án, ông Hà Trung T đề nghị chia cho ông bằng hiện vật, ông không đồng ý nhận bằng tiền. Bà Hà Thị T1 tại phiên tòa đề nghị phân chia phần di sản anh chị em được hưởng về phần diện tích đất không có nhà giáp đất của gia đình ông K và chia ông T phần diện tích có nhà để ông T thờ cúng bố mẹ. Ông T cũng nhất trí với ý kiến của bà Hà Thị T1. Mặt khác căn cứ Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh H, thửa đất số 110 tờ bản đồ số 03 có diện tích 241.9m^2 là đất ở, có chiều giáp đường xóm là 16.66m, phần di sản bằng hiện vật chia cho ông O, bà T2, bà T1, ông Q không đủ điều kiện để tách thành từng thửa cho từng người và nguyện vọng ông O, bà T2, bà T1, ông Q đều mong muốn giữ lại để làm nơi thờ cúng do đó cần phân chia khối di sản bằng hiện vật như sau:

+ Giao cho ông Hà Trung T và bà Đinh Thị S được quyền sử dụng diện tích đất 149,8m^2 là đất ở trị giá 404.460.000đ và quyền sở hữu đối với tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 2 gian diện tích 43.8m^2 trị giá 40.530.330đ; sân vôi diện tích 54.3m^2 trị giá 434.400đ; 6.46m tường bao trị giá 226.827đ, 1 trụ cổng trị giá 42.580đ; 1 cánh cổng lưới B40 trị giá 80.500đ. Tổng cộng 445.774.637đ.

+ Giao cho ông Hà Đức O, bà Hà Thị T1, ông Hà Trung Q, bà Hà Thị T2 được quyền sử dụng chung phần diện tích đất còn lại diện tích 92,1m^2 là đất ở trị giá 248.670.000đ và quyền sở hữu chung đối với tài sản trên đất gồm: Sân vôi diện tích 12.8m^2 trị giá 102.400đ; 4.26m tường bao trị giá 150.044đ, 1 trụ cổng trị giá 42.580đ; 1 cánh cổng lưới B40 trị giá 80.500đ, 01 cây mít trị giá 650.000đ, 01 cây vải trị giá 520.000đ. Tổng cộng 250.467.974đ (trị giá 62.616.993đ/người).

- *Về thanh toán chênh lệch giá trị công trình, tài sản trên đất:* Do ông T, bà S đề nghị chuyển một phần diện tích đất mà ông T, bà S được hưởng theo di chúc và theo pháp luật để đối trừ phần chênh lệch giá trị tài sản xây dựng trên đất chia cho ông O, bà T1, ông Q, bà T2 và không yêu cầu phải trả tiền chênh lệch tài sản nên không bên nào phải trả tiền chênh lệch tài sản cho nhau.

[3] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đề nghị tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản đối với nhà, đất đang yêu cầu chia thừa kế và giám định chữ ký của cụ Hà Đình C trong các bản di chúc. Số

tiền chi phí tố tụng bao gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.089.000đ; chi phí định giá tài sản là 2.400.000đ và chi phí giám định chữ ký 2.511.00đ, tổng cộng là 10.000.000đ. Ông T đề nghị phân chia chi phí tố tụng nêu trên theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 157; Điều 165 BLTTDS, mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia do đó ông T, bà S, ông O, bà T1, ông Q, bà T2 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định.

Đối với chi phí giám định căn cứ Điều 161 BLTTDS, ông O không chấp nhận di chúc và xác định chữ ký trong di chúc là giả; ông T là người yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của cụ C trong di chúc và kết quả giám định chứng minh yêu cầu của ông T là có căn cứ do đó ông O phải chịu toàn bộ phí giám định theo quy định.

Bà Đinh Thị S là vợ ông T được chia phần di sản chung với ông T nên cùng ông T chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định và không phải hoàn trả cho ông T chi phí tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đã nộp tạm ứng toàn bộ các chi phí tố tụng nêu trên nên ông O, bà T1, ông Q, bà T2 là người phải chịu chi phí tố tụng có nghĩa vụ hoàn trả chi phí tố tụng mà mình phải chịu cho ông T.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do ông Hà Đức O, bà Hà Thị T1, ông Hà Đức L, bà Hà Thị T2, ông Hà Trung Q đều là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định. Ông Hà Trung T và bà Đinh Thị S phải chịu án phí theo quy định.

[5] ***Về quyền kháng cáo***: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bà Hà Thị T1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Thị T2 có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án không có lý do chính đáng nên quyền kháng cáo của bà T1, bà T2 được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 157, Điều 165, Điều 161, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 624, Điều 625, Điều 627, Điều 628, Điều 630, Điều 631, Điều 635, Điều 636, Điều 643, Điều 649; Điều 650; Điều 660, Điều 688 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Trung T về việc chia tài sản thừa kế của cụ Hà Đình C theo di chúc và chia tài sản thừa kế của cụ Vũ Thị T3 theo pháp luật.

2. Xác định khối di sản của cụ Vũ Thị T3 và cụ Hà Đình C gồm:

+ Quyền sử dụng đất thửa số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L trị giá: 291.4m^2 đất ở x 2.700.000đ/m^2 = 653.130.000đ.

+ Tài sản trên đất trị giá: 01 căn nhà cấp 4 diện tích 43.8m^2 trị giá 40.530.330đ; sân vôi diện tích 67.1m^2 trị giá 536.800đ; tường bao trị giá 376.872đ, tường gạch vườn trị giá 252.450đ; 2 trụ cổng trị giá 85.160đ; 2 cánh cổng lưới B40 trị giá 161.000đ; 01 cây mít trị giá 650.000đ và 1 cây vải trị giá 520.000đ. Tổng cộng 43.112.612đ.

3. Xác định phần di sản của cụ Hà Đình C và cụ Vũ Thị T3 để lại là ngang nhau và đều bằng 1/2 quyền sử dụng diện tích 145.7m^2 đất ở tại thửa số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L trị giá 393.390.000đ và 1/2 tài sản trên đất trị giá 21.556.306đ. Tổng cộng 348.121.306đ.

4. Về những người được hưởng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất:

+ Xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Vũ thị T3 tại thời điểm mở thừa kế bao gồm: Cụ Hà Đình C, ông Hà Đức O, bà Hà Thị T1, ông Hà Đức L, bà Hà Thị T2, ông Hà Trung Q và ông Hà Trung T.

+ Xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hà Đình C tại thời điểm mở thừa kế bao gồm: Ông Hà Đức O, bà Hà Thị T1, ông Hà Đức L, bà Hà Thị T2, ông Hà Trung Q và ông Hà Trung T.

5. Phân chia di sản của cụ Vũ Thị T3 theo suất thừa kế:

Một suất thừa kế phần di sản của bà T3 mà một người thừa kế được hưởng là 49.731.615đ/người.

6. Phân chia di sản của cụ Hà Đình C theo di chúc và của cụ Vũ Thị T3 theo pháp luật về mặt giá trị:

+ Ông Hà Trung T và bà Đinh Thị S được hưởng toàn bộ phần di sản của cụ Hà Đình C để lại theo di chúc trị giá là 348.121.306đ và hưởng 2 suất thừa kế phần di sản do cụ T3 để lại trị giá là 49.731.615đ x 2 = 99.463.230đ. Tổng cộng 447.584.536đ.

+ Ông Hà Đức O, bà Hà Thị T1, ông Hà Trung Q, bà Hà Thị T2 được hưởng chung 5 suất thừa kế phần di sản do cụ T3 để lại trị giá là 49.731.615đ x 5 = 248.658.075đ (mỗi người hưởng 62.164.518đ/người).

7. Phân chia trên thực tế tài sản:

+ Giao cho ông Hà Trung T và bà Đinh Thị S được quyền sử dụng diện tích đất 149,8m^2 là đất ở tại thửa số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương trị giá 404.460.000đ và quyền sở hữu đối với tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 2 gian diện tích 43.8m^2 trị giá 40.530.330đ; sân vôi diện tích 54.3m^2 trị giá 434.400đ; 6.46m tường bao trị giá 226.827đ, 1 trụ cổng trị giá 42.580đ; 1 cánh cổng lưới B40 trị giá 80.500đ. Tổng cộng 445.774.637đ (được giới hạn bởi các điểm B5, A6, A7, B1, B2, B4 đến B5).

+ Giao cho ông Hà Đức O, bà Hà Thị T1, ông Hà Trung Q, bà Hà Thị T2 được quyền sử dụng chung phần diện tích đất còn lại diện tích 92,1m^2 là đất ở tại thửa số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương trị giá 248.670.000đ và quyền sở hữu chung đối với tài sản trên đất gồm: Sân vôi diện tích 12.8m^2 trị giá 102.400đ; 4.26m tường bao trị giá 150.044đ, 1 trụ cổng trị giá 42.580đ; 1 cánh cổng lưới B40 trị giá 80.500đ, 01 cây mít trị giá 650.000đ, 01 cây vải trị giá 520.000đ. Tổng cộng 250.467.974đ (mỗi người hưởng 62.616.993đ/người) (được giới hạn bởi các điểm B1, A8, A9, B3, B2 đến B1).

Khi các bên xác định ranh giới thửa đất, nếu có công trình, cây cối nằm giữa ranh giới giữa hai bên, thì nếu về bên nào bên đó tiếp tục sử dụng hoặc nếu nằm giữa ranh giới thì tiến hành tháo dỡ hoặc chặt bỏ.

(Vị trí, kích thước, diện tích đất và tài sản, công trình trên đất như sơ đồ phân chia kèm theo).

6. Về thanh toán chênh lệch tài sản: Các bên không phải trả tiền chênh lệch tài sản cho nhau.

7. Về chi phí tố tụng: Bà Hà Thị T1, ông Hà Trung Q, bà Hà Thị T2, mỗi người phải hoàn trả cho ông Hà Trung T số tiền 454.375đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 214.286đ chi phí định giá tài sản, tổng cộng là 668.661đ/người.

Ông Hà Đức O phải hoàn trả cho ông Hà Trung T số tiền 454.375đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, 214.286đ chi phí định giá tài sản và 2.511.000đ chi phí giám định, tổng cộng là 3.179.661đ.

8. Về án phí: Các đương sự (ông Hà Đức O, bà Hà Thị T1, ông Hà Đức L, bà Hà Thị T2, ông Hà Trung Q) được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ông Hà Trung T, bà Đinh Thị S phải chịu 21.830.985đ án phí dân sự sơ thẩm đối trừ số tiền tạm ứng án phí 10.000.000đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004384 ngày 16/10/2023. Ông T, bà S còn phải nộp 11.830.985đ.

9. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt (ông T, bà S, bà T1, bà T2) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt (ông O, ông Q, ông L, UBND xã V) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

10. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Giang;
- Lưu hồ sơ; Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Hải

SƠ ĐỒ PHÂN CHIA

DI SẢN THỪA KẾ CỦA CỤ HÀ ĐÌNH CHÂM VÀ CỤ VŨ THỊ T3

(Thửa đất số 110 tờ bản đồ số 03 tại thôn L, xã V, huyện B, Hải Dương)

Ghi chú:

1/ Phần diện tích đất giao ông Hà Trung Tiến và bà Đinh Thị Sen: Diện tích 149.8m^2 đất ở của thửa đất số 110 tờ bản đồ số 03 được giới hạn bởi các điểm B5, A6, A7, B1, B2, B4 đến B5.

2/ Phần diện tích đất giao chung ông Hà Đức Oanh, bà Hà Thị Thời, ông Hà Trung Quyết, bà Hà Thị Tuyết: Diện tích 92,1m^2 đất ở của thửa đất số 110 tờ bản đồ số 03 được giới hạn bởi các điểm B1, A8, A9, B3, B2 đến B1.

3/ Phần diện tích 3.7m^2 là đất giao thông do UBND xã quản lý

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Hải